TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 5/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/2/2019
V/v: " Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Đồng Phước Tài

2/Ông Lê Hoàn Thanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ, ngày 7/12/2018 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/2/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị MH, sinh năm: 1990 (có mặt)

Cư trú: Ấp MT, xã MX, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Tổ 15, ấp TT, xã TQ, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1982 (có mặt)

Cư trú: Ấp TN, xã TL, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN THẤY:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 22/10/2018 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị MH trình bày: Vào năm 2013 tôi và anh Nguyễn Hữu Đ quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được gia đình đôi bên chấp nhận nên chúng tôi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nữ trang ngày cưới: gia đình chồng không cho nữ trang cưới.

Sau ngày cưới chúng tôi sống chung tại ấp TT, xã TQ, huyện BT. Thời gian đầu chúng tôi sống rất hạnh phúc và sinh được 1 con chung tên Nguyễn Lê NQ, sinh ngày 4/5/2013, hiện cháu đang sống chung với tôi.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi không tạo lập tài sản chung, không thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng chúng tôi.

Về mâu thuẫn gia đình: Do anh Đ ăn nhậu thường xuyên, khi nhậu về anh Đ dùng lời lẽ khó nghe nghen tương vô cớ. Vợ chồng mâu thuẫn từng lời ăn tiếng nói

cho đến sinh hoạt hàng ngày trong gia đình. Chồng tôi ngày càng gây áp lực cho tôi, bất đồng quan điểm sống. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không nghe nên chúng tôi mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tôi cảm thấy không còn tình cảm với anh Đ nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm được nên tôi quyết định xin ly hôn anh Đ.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Lê NQ, sinh ngày 4/5/2013, tôi yêu cầu cho cháu Q được sống chung với tôi, tôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản: chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Anh Nguyễn Hữu Đ là bị đơn không nộp bản khai trình bày ý kiến.

*Tại biên bản hòa giải ngày 24/12/2018, anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Tôi thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, nữ trang ngày cưới, tài sản chung và quá trình sống chung, có đăng ký kết hôn. Về con chung: sinh được 1 con chung tên Nguyễn Lê NQ, sinh ngày 4/5/2013, hiện cháu đang sống chung với H. Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nào khác, vợ chồng cũng không thiếu nợ ai. Về mâu thuẫn gia đình: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay chị H xin ly hôn tôi đồng ý. Về con chung: Cháu Nguyễn Lê NQ, sinh ngày 4/5/2013 tôi không đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con, tôi yêu cầu được quyền nuôi con, tôi không yêu cầu chi H cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lê Thị MH trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Do anh Đ ăn nhậu thường xuyên, khi nhậu về anh Đ dùng lời lẽ khó nghe nghen tương vô cớ. Vợ chồng mâu thuẫn từng lời ăn tiếng nói cho đến sinh hoạt hàng ngày trong gia đình. Chồng tôi ngày càng gây áp lực cho tôi, bất đồng quan điểm sống. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không nghe nên chúng tôi mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tôi cảm thấy không còn tình cảm với anh Đ nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn lại tình cảm được nên tôi quyết định xin ly hôn anh Đ.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi xin được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Lê NQ, sinh ngày 4/5/2013, tôi yêu cầu cho cháu Q được sống chung với tôi, tôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản: chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

-Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Về mâu thuẫn gia đình: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay chị H xin ly hôn tôi đồng ý. Về con chung: Cháu Nguyễn Lê Như Q, sinh ngày 4/5/2013 tôi không đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con, tôi yêu cầu được quyền nuôi con, tôi không yêu cầu chi H cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã TL, huyện BT, tỉnh VL và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hữu Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, cha mẹ hai bên đồng ý. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, thường hay xảy ra bất hòa, cải vả với nhau, anh Đức thường hay dùng lời lẽ khó nghe, ghen tuông vô cớ với chị H, chị H nhiều lần khuyên bảo anh Đ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không được, từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị H khởi kiện xin ly hôn anh Đ. Anh Nguyễn Hữu Đ cho rằng mâu thuẩn gia đình như chị Hương trình bày là đúng, Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

[4]Xét về con chung: Chị Lê Thị Mỹ H và anh Nguyễn Hữu Đ sống chung với nhau có sinh 1 con chung tên Nguyễn Lê NQ, sinh ngày 4/5/2013, Hiện chị H đang nuôi dưỡng cháu Q. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không đồng ý để cháu Q cho H nuôi dưỡng mà anh Đ yêu cầu được nuôi con, chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi chị H và anh Đ sống ly thân nhau cho tới nay chị H chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Q và để ổn định môi trường sống và học tập tốt cho cháu Q nên cho chị H được tiếp tục nuôi cháu Q là phù hợp. Xét yêu cầu được nuôi con của anh Đ là không phù hợp nên không được chấp nhận. Xét việc chị H chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Nguyễn Hữu Đ được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị H và anh Đ chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Chị Lê Thị MH nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015217 ngày 4/12/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu. Vậy chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị MH.

- Chị Nguyễn Thị MH được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

2/Về con chung: Chị Lê Thị MH được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Lê NQ, sinh ngày 4/5/2013, chị H chưa yêu cầu anh Đức cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Hữu Đ được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3/Về quan hệ tài sản: Chưa tranh chấp, chưa yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

-Chị Lê Thị MH nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015217 ngày 4/12/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện BT thu. Vậy chị H không phải nộp thêm.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Lê Thị MH, bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSH Bình Tân;
- THAH Bình Tân;
- UBND xã Thành Lợi, Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.